ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG CỦA BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG ĐƯỢC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2012

ĐỖ VĂN LƯƠNG - ***BVĐK huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình***
TRẦN KHÁNH THU - ***BVĐK tỉnh Thái Bình***

TÓM TẮT

Nghiên cứu dịch tễ học mô tả cắt ngang với cỡ mẫu 400 bệnh nhân đái tháo đường được quản lý và điều trị hàng tháng tại bệnh viện đa khoa huyện Vũ Thư năm 2012. Kết quả cho thấy: Độ tuổi của bệnh nhân chủ yếu ở nhóm 60 – 69 tuổi, nam chiếm 48,5% nữ chiếm 51,5%, có 18,2% bệnh nhân có chỉ số đường máu bình thường, 81,7% bệnh nhân có chỉ số đường huyết cao hơn giá trị bình thường. 18,2% bệnh nhân có mức kiểm soát đường huyết tốt, 16,8% mức chấp nhận được, 65,0% mức kém.

Từ khoá: *đái tháo đường*

SUMMARY

The cross-sectional descriptive study was implemented with sample size as 400 diabete patients undergo the monthly managing and treament at General Hospital of Kienxuong District, Thaibinh Province in 2012. The results showed that the majority of patient's age group 60-69 years old as male and female 48.5% and 51.5% respectively. Percentages of serum glucose level at normal index and hyperglycemia were 18.2% versus 81.7% respectively. Patients with controlled serum glucose level, accepted serum glucose level and uncontrolled serum glucose level were 18.2%, 16.8% and 65.0%, respectively.

Keywords: *diabetes*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đái tháo đường là bệnh không lây nhiễm mang tính xã hội cao, theo WHO năm 2004 có khoảng 98,9 triệu người mắc, tới nay có khoảng 180 triệu người và ước tính đến năm 2030 có khoảng 366 triệu người mắc [4]. Việt Nam được xếp vào 10 nước có tỷ lệ mắc đái tháo đường cao và là quốc gia có tốc độ phát triển nhanh. Đái tháo đường đang là bệnh mang tính thời sự có tỷ lệ biến chứng cao nếu không được quản lý điều trị đúng.

Nghiên cứu nhằm mục tiêu: Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân đái tháo đường được quản lý, theo dõi và điều trị tại Bệnh viện đa khoa Vũ Thư tỉnh Thái Bình năm 2012.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm, đối tượng và thời gian nghiên cứu

1.1. Đối tượng nghiên cứu: Bệnh nhân đái tháo đường đang được quản lý, khám và điều trị tại BVĐK Vũ Thư.

1.2. Thời gian nghiên cứu: Năm 2012

1.3. Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện đa khoa huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Phương pháp dịch tễ học mô tả cắt ngang

2.2. Cỡ mẫu : được tính theo công thức cỡ mẫu một tỷ lệ là 400 đối tượng.

2.3. Kỹ thuật xét nghiệm sinh hóa máu : Lấy máu tĩnh mạch 3 ml vào buổi sáng (đảm bảo đối tượng không ăn sáng). Cho 1ml máu vào ống nghiệm chứa sẵn NaF chuyên dùng cho xét nghiệm Glucose máu và 2ml vào ống nghiệm có chứa sẵn các hạt nhựa chuyên để lấy huyết thanh làm định lượng mỡ máu. Triglycerid huyết thanh định lượng theo phương pháp GPO-PAP; HDL-Cholesterol huyết thanh định lượng theo phương pháp sự kết tủa của LDL, VLDL, chylomicrons; Glucose máu được định lượng theo phương pháp GOD-PAP.

2.4. Phương pháp phân tích số liệu: Số liệu được xử lý trên phần mềm EPI Info 6.04 và SPSS 16.0, các test kiểm định thống kê được sử dụng để so sánh các giá trị trung bình, tỷ lệ % giữa các nhóm.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1: Phân bố bệnh nhân đái tháo đường theo độ tuổi và giới

Giới / Tuổi	Nam		Nữ		Chung	
	SL	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*
≤ 39	4	2,06	4	1,94	8	2,08
40 - 49	22	11,34	21	10,19	43	10,75
50 - 59	42	21,65	57	27,67	99	24,75
60 - 69	73	37,63	80	38,83	153	38,25
≥ 70	53	27,32	44	21,36	97	24,25
Tổng	194	48,5	206	51,5	400	100
So sánh	p > 0,05					

Trong số bệnh nhân được quản lý điều trị tại bệnh viện đa khoa Vũ Thư có độ tuổi từ 60 – 69 chiếm chủ yếu với 38,25%, độ tuổi từ 50 – 59 và độ tuổi trên 70 đứng thứ 2 với 24, 75% và 24,25%. Độ tuổi dưới 49 tuổi chiếm tỷ lệ thấp.

Bảng 2: Phân loại thể trạng bệnh nhân đái tháo đường theo BMI và giới

Giới / Thể trạng	Nam (n= 194)		Nữ (n= 206)		Tổng số (n= 400)	
	SL	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*
Nhẹ cân	18	9,2	18	8,7	36	8,9
Bình thường	127	65,3	121	58,7	248	62,1
Tiền béo phì	33	17,3	42	20,7	75	18,9
Béo phì độ	16	8,2	25	12,0	41	10,1

Chỉ BMI của những bệnh nhân đái tháo đường có 10,1% bệnh nhân có béo phì, 18,9% bệnh nhân trong giai đoạn tiền béo phì, 62,1% bệnh nhân có chỉ số BMI trong giới hạn bình thường.

Bảng 3. Chỉ số Glucose trung bình của đối tượng nghiên cứu

Nhóm tuổi	Glucose máu trung bình (mmol/l), $\bar{X} \pm SD$		
	Nam	Nữ	Chung
≤ 39	10,3 ± 5,1	11,7 ± 4,8	11,0 ± 4,6
40 - 49	9,8 ± 6,9	9,7 ± 4,6	9,1 ± 5,8
50 - 59	8,3 ± 2,9	8,5± 4,0	8,5 ± 3,5
60 - 69	8,3 ± 2,3	8,9 ± 3,0	8,6 ± 2,7
≥ 70	8,1 ± 3,4	8,1 ± 3,0	8,1 ± 3,2
Chỉ số chung	8,5 ± 3,6	8,7 ± 3,6	8,6 ± 3,6
So sánh	p > 0,05		

Chỉ số trung bình Glucose máu của đối tượng là 8,6 ± 3,6 mmol/l. Nhóm tuổi dưới 40 có chỉ số trung bình Glucose máu cao 11,0 ± 4,6

Bảng 4. Mức độ kiểm soát Glucose máu theo tiêu chuẩn của WHO, 2002.

Mức độ	Nam		Nữ		Chung	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tốt (4,4 – 6,1)	34	17,5	39	18,9	73	18,2
Chấp nhận (6,2 – 7,0)	41	21,1	29	12,6	67	16,8
Kém (> 7,0)	119	61,3	141	68,4	260	65,0
So sánh	p> 0,05					

Mức độ kiểm soát Glucose máu tốt chiếm 18,2%. Mức độ kiểm soát Glucose máu chấp nhận được là 16,8%. Mức độ kiểm soát Glucose máu kém là 65,0%.

BÀN LUẬN

Nghiên cứu mô tả cắt ngang 400 bệnh nhân đái tháo đường được quản lý, theo dõi và điều trị hàng tháng tại bệnh viện đa khoa Vũ Thư tỉnh Thái Bình kết quả cho thấy: Nữ giới chiếm tỷ lệ cao hơn so với nam (51,5% so với 48,5%), nhóm tuổi chủ yếu là từ 50 – 59 chiếm tỷ lệ cao nhất 38,25% Nghiên cứu của Welborn ở Australia thấy tỷ lệ đái tháo đường tăng nhanh theo tuổi từ 50 trở lên [3]. Trần Văn Hiên khi nghiên cứu tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương thấy tuổi trung bình của bệnh nhân là 54,1 ± 8,8; nhóm tuổi 50 - 59 chiếm tỷ lệ 33,3% [4]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi bệnh nhân đái tháo đường chỉ có 10,1% béo phì (BMI ≥ 23), tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với cứu của Phạm Thị Lan thấy số bệnh nhân thừa cân và béo phì cao nhất, chiếm tỷ lệ 46,8% [5].

Theo khuyến cáo của WHO [1], mức kiểm soát Glucose tốt từ 4,4 - 6,1 mmol/l, mức chấp nhận được từ 6,2-7,0 mmol/l, mức kém từ >7,0 mmol/l. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức tốt chỉ có 18,2%, mức chấp nhận 16,8% và còn 65,0% ở mức kiểm soát kém. Võ Bảo Dũng nghiên cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định cho kết quả kiểm soát glucose máu lúc đói đạt mức tốt 7,6%, mức chấp nhận 17,7%, mức kém 74,7% [2]. Lý Thị Thơ nghiên cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang thấy kiểm soát glucose máu ở mức tốt chiếm 31,8%, mức chấp nhận 27,9%, mức kém 40,3% [6].

KẾT LUẬN

Tỷ lệ bệnh nhân nữ chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới 51,5% so với 48,5%. Nhóm tuổi từ 59 – 60 chiếm tỷ lệ cao với 38,25%. Chỉ số Glucose máu lúc đói là 8,6± 3,6 mmol/l. Mức độ kiểm soát đường tốt chiếm 18,2%, chấp nhận được 16,8% và mức độ kém là 65,0%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tạ Văn Bình (2007*),* Những nguyên lý nền tảng đái tháo đường - tăng glucose máu, *Nhà xuất bản Y học*, Hà Nội.

2. Võ Bảo Dũng (2008), "Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh nhân đái tháo đường tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định", *Tạp chí Y học thực hành*, (616 + 617), tr. 267-273.

3. Tô Văn Hải, Ngô Mai Xuân và cộng sự (2006), "Một số yếu tố nguy cơ gây bệnh đái tháo đường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Thanh Nhàn Hà Nội", *Tạp chí Y học Thực hành,* (548), tr. 158-164.

4. Trần Văn Hiên, Tạ Văn Bình và cộng sự (2007), "Nghiên cứu rối loạn lipid máu ở bệnh nhân đái tháo đường týp 2 lần đầu được phát hiện tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương", *Hội nghị khoa học toàn quốc chuyên ngành nội tiết và chuyển hoá lần thứ 3*, tr. 66-669.

5. Phạm Thị Lan (2009), Đánh giá tổn thương thận ở bệnh nhân đái tháo đường týp 2 điều trị tại khoa nội tiết Bệnh viện đa khoa trung ương Thái Nguyên, *Khoá luận tốt nghiệp Bác sỹ đa khoa,* Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên.

6. Lý Thị Thơ (2005*)*, Nghiên cứu thực trạng bệnh đái tháo đường tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang. *Luận văn Thạc sỹ Y học*, Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên.